

Số **34**/BC-THNH

Nam Sơn, ngày 10 tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO

### Triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục năm học 2022-2023

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn 195/PGDDĐT ngày 8/6/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc tổng kết, báo cáo triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục năm học 2022-2023, trường Tiểu học Nam Hà báo cáo cụ thể như sau:

#### I. Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ

##### 1. Công tác tuyên truyền

- Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch<sup>1</sup> và triển khai đến 100% cán bộ, giáo viên và nhân viên trong việc thực hiện chuyển đổi số.

- Nhà trường đã chú trọng công tác tuyên truyền đến 100% CBGVNV, phụ huynh và học sinh, 5 buổi tuyên truyền với 33 CBGVNV, 944 học sinh và 944 phụ huynh được tham gia với hình thức trực tiếp, gián tiếp thông qua họp Hội đồng, Chương trình phát thanh măng non, nhóm lớp. Qua đó CBGVNV, học sinh và phụ huynh đã tích cực hưởng ứng và vận dụng công nghệ thông tin trong mọi hoàn cảnh, mọi nhiệm vụ quản lý, chuyên môn.

- Gắn các tiêu chí chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong giảng dạy, thống kê báo cáo với tiêu chí thực hiện thi đua trong năm học 2022 - 2023.

- Bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ cho việc dạy học. Từng bước hoàn thiện trang thiết bị đảm bảo các tiêu chí chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong dạy học.

##### 2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Có 02 phòng thực hành Tin học với 25 máy tính; 6 máy tính phục vụ công tác quản lý và các đoàn thể

<sup>1</sup> Kế hoạch số 39 ngày 30/9/2022 về UDCNTT và chuyển đổi số năm học 2022-2023.

Kế hoạch số 73 ngày 10/12/2022 về UDCNTT và chuyển đổi số trong công tác quản lý và giảng dạy năm 2022-2023.

Kế hoạch số 59 ngày 18/10/2022 về khảo thí và kiểm định chất lượng.



- Có 25 ti vi được trang bị đầy đủ tại các phòng học phục vụ trực tiếp công tác giảng dạy và học tập.
- 100% giáo viên có máy tính để thực hiện việc giảng dạy trên lớp.
- Wifi đã phủ sóng toàn trường, mạng dây đã kết nối đến từng lớp học trực tiếp.
- Nâng cấp đường truyền của Dịch vụ VNPT CA đảm bảo việc dạy và học trực tuyến. (nếu cần)

### **3. Công tác bồi dưỡng đội ngũ UDCNTT**

- Trong những năm qua, nhà trường đã chủ động tổ chức bồi dưỡng cho 100% CBGV với những nội dung sau:
  - + Làm giáo án điện tử Elearning.
  - + Sử dụng Azota.
  - + Sử dụng eNetViet.
  - + Sử dụng phần mềm Zoom, meet.
  - + Sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.
- Tổ chức tập huấn cho 100% CBGVNV về việc Chuyển đổi số.
- 100% CBGV tham gia đầy đủ, kịp thời bồi dưỡng modun theo Chương trình GDPT 2018 trên hệ thống LMS theo công văn số 131/KH-SGDĐT ngày 01/11/2022.

### **4. Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, thông tin liên lạc, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá**

#### **a Trong quản lý (CSDL)**

- Phần mềm quản lý cán bộ.
- Phần mềm trong quản lý trường học.
- Trong việc nộp, nhận các văn bản chỉ đạo, thực hiện thông tin hai chiều thường xuyên, kịp thời.
- Trong quản lý tiền lương, chế độ, chính sách đối với CBGVNV.
- 100% CBGVNV đã tham gia gắn chip căn cước công dân, thẻ ATM.
- Đã triển khai ngày chuyển đổi số Thành phố Hải phòng năm 2022 theo công văn số 515/PGDĐT ngày 8/10/2022.
- Tổ chức cho 100% CBGVNV đăng ký lập tài khoản cá nhân trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.
- Cập nhật đầy đủ mã định danh CSDL ngành GDPT đảm bảo sự đồng bộ giữa TEMIS và LMS.

#### **b. Trong công tác tuyển sinh, PCGD, Tiêm vắc xin Covid-19**

- Công tác tuyển sinh được thực hiện theo hướng dẫn của các cấp với 2 hình thức: Trực tiếp và trực tuyến. Phụ huynh tự đăng nhập Hệ thống tuyển sinh đầu cấp tại địa chỉ <https://tsdc.haiphong.edu.vn> để đăng ký thử nghiệm với tài khoản đã được Trường Mầm non cung cấp (gồm mã học sinh và mật khẩu).

- Công tác phổ cập GD-XMC thực hiện trên hệ thống đảm bảo chính xác, kịp thời (có các biểu mẫu in từ phần mềm).

- Việc theo dõi, cập nhật số CBGV, học sinh tiêm vắc xin phòng chống Covid-19 (có DS GV, HS tiêm vắc xin). 100% CBGVNV thực hiện khai báo y tế trên hệ thống.

### **c. Trong việc thu, chi**

- Cơ bản các phụ huynh, giáo viên đã thực hiện không dùng tiền mặt đối với các loại thu theo quy định trên phần mềm MISSA. Kết quả có 26/26 lớp và khoảng 99% phụ huynh thực hiện việc không dùng tiền mặt khi nộp các khoản thu.

### **d. Trong dạy - học, công tác chuyên môn**

- Lớp học trực tiếp trên nhà trường được hiện đại hóa với phòng học có trang bị ti vi có khả năng kết nối máy tính, Internet và wifi phủ sóng toàn trường phát huy tối đa sự sáng tạo trong mỗi giờ dạy chính khóa của giáo viên.

- 100% Giáo viên chủ nhiệm thực hiện sử dụng học bạ điện tử, sổ điểm điện tử.

- 100% giáo viên thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin trên lớp:

- 100% học sinh tham gia tin nhắn điện tử để phối kết hợp giữa nhà trường với phụ huynh giáo dục đạo đức, nhắc nhở việc học tập trực tuyến, trực tiếp và các thông tin khác liên quan.

- Tự đánh giá công tác chuyên đổi số theo các tiêu chí (Công khai trên Cổng thông tin điện tử nhà trường).

## **5. Danh mục các phần mềm đã và đang sử dụng trong nhà trường**

STT	Tên: Ứng dụng/website/Hội thảo/Tập huấn/Tài liệu... về công tác chuyển đổi số	Lĩnh vực áp dụng (quản lý, tuyên truyền, dạy học, kiểm tra đánh giá)	Ghi chú
1	Ứng dụng eNetViet	Công tác quản lý	
2	Trang Web: <a href="https://csdl.haiphong.edu.vn">https://csdl.haiphong.edu.vn</a>	Công tác quản lý	
3	Phần mềm ISPring Suite 9 làm giáo án điện tử Elearning	Dạy học	
4	Phần mềm Azota: Giao bài tập	Dạy học	
5	Phần mềm quản lý thông tin học	Dạy học	



	sinh		
6	Phần mềm dịch vụ công kho bạc	Kế toán	
7	Phần mềm quản lý tài sản	Kế toán	
8	Phần mềm quản lý cán bộ	Kế toán	
9	Phần mềm kế toán	Kế toán	
10	Phần mềm chữ ký số BHXH	Kế toán	
11	Dịch vụ Internet	Công tác dạy học, kiểm tra đánh giá	

## II. Kết quả tự đánh giá các tiêu chí của nhà trường

TT	Nhóm tiêu chí	Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1)		Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2)		Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3)	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	<b>Chuyển đổi số trong dạy học</b>						
1.1	TH Nam Hà			1			
2	<b>Chuyển đổi số trong quản trị CSGD</b>						
2.1	TH Nam Hà					1	

## III. Những khó khăn, vướng mắc

Phụ huynh không thành thạo CNTT nên ít tham gia vào các hoạt động học tập của con trên hệ thống.

Việc triển khai viết phần mềm còn nhiều khó khăn do nhân sự nhà trường chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc kết nối phần mềm tổ chức thi với quản trị hệ thống nhà trường chưa triển khai được, vì việc thực hiện tổ chức thi trực tuyến cơ bản thao tác trên phần mềm.

## IV. Đề xuất, kiến nghị

Cần bổ sung cơ sở vật chất phòng Studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) đạt chuẩn cho nhà trường.

Các cấp quản lí cần có lớp tập huấn cho cán bộ giáo viên nhân viên về nội dung, biện pháp thực hiện các tiêu chí cụ thể hơn.

- \* Nơi nhân:
- Phòng GDDT;
- Lưu VT,

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Minh Nghĩa



UBND QUẬN KIẾN AN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM HẠ

**DANH GIÁ THEO CHỈ SỐ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG SỞ SỞ GIÁO DỤC  
TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM HẠ**

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
1.	<b>Chuyên đổi số trong dạy học</b>	100						
1.1	Có kế hoạch dạy học trực tuyến (Kết hợp dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong xây dựng kế hoạch hằng năm)							<b>Điều kiện bắt</b>
1.2	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến  Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (ghi tên)		6	6				<b>Điều kiện bắt</b>  Zoom Cloud Meeting; Trans; Microsoft
1.3	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/ hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin; Tên giải pháp, tự xây dựng/ thuê/ mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:  (1) Giáo viên giao bài tập cho HS tự học;  (2) GV trả lời (giải đáp) các câu hỏi của HS;  (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;  (4) PHHS tham gia vào các hoạt động học tập của HS	30			Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: Từ 10-20 điểm Mức độ 3: Trên 20 điểm	Mức độ 2	đường link	<a href="https://azota.vn">https://azota.vn</a>
			6	6				
			6	4				
			6	3				
			6	2				

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
1.4	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chức môn thông qua và được người đứng đầu CSGD phê duyệt)	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm	10	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4-6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Mức độ 3		<i>Có thể bổ sung 1</i>
1.5	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: Có phần mềm, máy tính kết nối mạng Lan ( <i>cung cấp thông tin và giải pháp phần mềm</i> )	20	Tối đa 15 điểm	10	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 2	Quy chế, kế hoạch văn bản triển khai	<i>Có thể bổ sung 1 nhưng cần hỗ trợ bên Trung tâm Tin</i>
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối với hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 5 điểm	0				
	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số; -Ti lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu		<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 7 điểm	7				
1.6	-Ti lệ giáo viên có thẻ khai thác, sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	20	<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 7 điểm	7	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 3		

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
	- Tỷ lệ giáo viên có thẻ xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 6 điểm	6				
	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet trên tổng số phòng học		<20%, tối đa 2 điểm 20% - 60%, tối đa 5 điểm >60%, tối đa 8 điểm	8				
1.7	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy học môn Tin học	20	Mức độ 1: tối đa 2 điểm Mức độ 2: tối đa 5 điểm Mức độ 3: tối đa 7 điểm	7	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 3		
	- Có phòng Studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa: 5 điểm	0				
	<b>Tổng điểm</b> <b>(Chuyển đổi số trong dạy học)</b>	<b>100</b>		<b>76</b>		Mức độ 2 - Mức đáp ứng cơ bản		
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	<b>100</b>						
2.1	Trường thành lập Ban chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin, Họ và tên, chức vụ, email, điện thoại)							<i>Điều kiện b</i>

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi c
2.2	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số							<i>Điều kiện 1</i>
2.3	<p>Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin; tên giải pháp; tự xây dựng/ mua/ thuê);</p> <p>- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường</p> <p>- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)</p> <p>- Có triển khai sổ điểm điện tử và học bạ điện tử</p>	70	Tối đa 6 điểm	6	<p>Mức độ 1: dưới 20 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 20-50 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 50 điểm</p>	Mức độ 3		
			Tối đa 6 điểm	6				
			File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng số: Tối đa 10 điểm	5				
			Tối đa 6 điểm	6				
			Tối đa 10 điểm	10				
2.4	<p>- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin sức khỏe HS</p> <p>- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán</p> <p>- Phần mềm kết nối và trao đổi dữ liệu với CSDL ngành (do BGD quản lý)</p> <p>- Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến</p> <p>- Có triển khai dịch ứng dụng kết nối gia đình và nhà trường (thông tin; qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng Web).</p> <p>- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:</p>	30	Tối đa 10 điểm	6	<p>Mức độ 1: dưới 10 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 10-18 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 18 điểm</p>	Mức độ 3	Đường link/ quy chế/ Văn bản	
			Tối đa 6 điểm	6				
			Tối đa 6 điểm	6				
			Tối đa 8 điểm	4				
			Tối đa 12 điểm	12				

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi ch
	- Có triển khai dịch vụ thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm	10	điểm			
	<b>Tổng điểm (Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục)</b>	<b>100</b>		<b>77</b>		<b>Mức đáp ứng Tốt (Vi &gt; 75 đ)</b>		